

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 – 9 -2023

v/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Lê M Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Bích Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐHPT - HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê M**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố 03, thị trấn P, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn V trình bày: Bà và ông Lê M tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung từ năm 2013, hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới hỏi cho ông bà, bà và ông Lê M tôi có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào năm 2016.

Từ khi lấy nhau bà và ông Lê M thuê trọ ở ngoài sống được hơn 01 năm thì vợ chồng bà mua được nhà riêng. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Lê M chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính, ông Lê M nghe lời gia đình và ghen tuông vô cớ. Bà đã cố gắng chịu đựng vì con, nhưng ông Lê M tính nết tật nẩy từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2017 bà và ông Lê M thỏa thuận bán nhà để chia tài sản, từ đó vợ chồng bà không còn sống chung với nhau. Năm 2019 bà dẫn con vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thời gian này ông Lê M có năn nỉ bà quay trở về nhưng bà không đồng ý. Năm 2021 bà và con trở về gia đình bà ở Quảng Ngãi sinh sống. Bà và ông Lê M sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn, có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê M.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Nguyễn A – sinh ngày 08/7/2014, hiện con chung đang ở với bà, bà xin nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn ông Lê M: theo biên bản xác minh khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì ông Lê M có hộ khẩu thường trú tại khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Lê M theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Lê M vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê M không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa ông Lê M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn V. Giao cháu Lê Nguyễn A cho bà Nguyễn V tiếp tục nuôi dưỡng và giám dục cho đến khi trưởng thành. Bà Nguyễn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê M, do đó đây là vụ án “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê M có nơi cư trú tại khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Lê M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Nguyễn V vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn V và ông Lê M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn V trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính, ông Lê M nghe lời gia đình và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Lê M không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Lê M không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn V. Quá trình xác minh tại địa phương đều xác định bà Nguyễn V và ông Lê M không còn chung sống với nhau đã lâu.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn V và ông Lê M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn V.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Lê Nguyễn A – sinh ngày 08/7/2014, bà Nguyễn V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu My, không yêu cầu ông Lê M

cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn V phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của cháu My nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn V.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn V là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn V đối với ông Lê M.
Bà Nguyễn V được ly hôn với ông Lê M.

3/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn A – sinh ngày 08/7/2014 cho bà Nguyễn V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn V có quyền khởi kiện yêu cầu ông Lê M cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Lê M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/Về án phí: bà Nguyễn V phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn V đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0017117 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn V đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Lê M Kỳ